

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 03 -7- 2020  
“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Huyền Trân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Mười.

Ông Nguyễn Hoàng Kha.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Tiết Ánh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 198/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 438/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: nhà không số, đường LTM, khóm T, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Số 376/14/6B, LL, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

**2. Bị đơn:** Anh Trương Thanh Thiên T, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: nhà không số, đường LTM, khóm T, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 01/6/2020 và biên bản hòa giải 17/6/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Ngọc H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Thanh Thiên T sống chung vào năm 1998, không tổ chức đám cưới, gả cũng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hiện nay chị và anh Tú đã ly thân từ năm 2010 đến nay nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc H xác định có 01 người con chung tên Trương Thanh Thiên D, sinh năm 1999, hiện cháu D đã chết vào năm 2017 nên khi ly hôn không đặt ra yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Chị H xác định có 01 căn nhà và phần đất diện tích 144m<sup>2</sup> tọa lạc tại đường Lâm Thành Mậu, khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Giá trị căn nhà và đất là 300.000.000 đồng, khi ly hôn chị yêu cầu được chia  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản là 150.000.000 đồng. Đến ngày 17/6/2020 chị thống nhất với giá trị tài sản mà anh T đưa ra là 120.000.000 đồng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nhận 60.000.000 đồng, giao toàn bộ nhà và đất cho anh T quản lý sử dụng. Chị yêu cầu thời gian anh T phải hoàn số tiền này cho chị trong 03 tháng kể từ ngày 17/6/2020. Ngoài ra chị không có yêu cầu chia tài sản nào khác.

Về nợ chung: Chị H khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

- *Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 17/6/2020 và tại phiên tòa anh Trương Thanh Thiên T trình bày:* Về thời gian chung sống, vợ chồng không đăng ký kết hôn đúng như chị H trình bày. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Anh Trương Thanh Thiên T xác định có 01 người con chung tên Trương Thanh Thiên D, sinh năm 1999, hiện cháu D đã chết vào năm 2017 nên khi ly hôn không đặt ra yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Anh T xác định trong quá trình vợ chồng chung sống có 01 căn nhà và phần đất diện tích 144m<sup>2</sup> tọa lạc tại đường Lâm Thành Mậu, khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau trị giá khoảng 120.000.000 đồng. Phần đất này trước đây anh và chị H cùng nhận chuyển nhượng của ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị S. Sau khi chuyển nhượng anh và chị H cất nhà tiền chế trên phần đất để ở. Đến năm 2019 anh có sửa chữa lại căn nhà trị giá khoảng 350.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng. Căn nhà này là do anh bỏ tiền ra tự xây cất, chị H không có phần đóng góp nào. Đối với phần đất hiện nay giá trị khoảng 120.000.000 đồng. Khi ly hôn chị H yêu cầu nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị đất là 60.000.000 đồng anh đồng ý và thống nhất giao cho chị H trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 17/6/2020.

Về nợ chung: Anh T khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 33, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc H. Về hôn nhân không công nhận chị H và anh T là vợ chồng. Về con chung không xem xét. Về tài sản chung: chấp nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự giao toàn bộ nhà và đất cho anh T quản lý sử dụng. Anh T có nghĩa vụ hoàn lại cho chị H số tiền 60.000.000 đồng. Nợ chung: không xem xét.

Về án phí không giá ngạch và án phí có giá ngạch các đương sự phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Đối với chị Nguyễn Ngọc H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó hôn nhân giữa chị H và anh T đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống chị H xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về phía anh T thừa nhận hiện vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn và đã ly từ năm 2010 đến nay nên anh đồng ý ly hôn với chị H. Mặc khác, do chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H cho chị H được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T cùng xác định có 01 người con chung Trương Thanh Thiên D, sinh năm 1999, hiện cháu D đã chết vào năm 2017 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh T xác định tài sản chung là 01 căn nhà và phần đất diện tích 144m<sup>2</sup> tọa lạc tại đường Lâm Thành Mậu, khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau trị giá khoảng 120.000.000 đồng. Phần đất này hiện nay anh T đang quản lý, sử dụng nên khi ly hôn chị H yêu cầu nhận ½ giá trị phần đất là 60.000.000 đồng giao toàn bộ phần đất và căn nhà trên đất nói trên cho anh T quản lý sử dụng, anh T đồng ý giao cho chị H số tiền 60.000.000 đồng trong thời gian 03 tháng kể từ ngày 17/6/2020 theo như yêu cầu của chị H. Xét thấy việc tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là phù hợp không trái với đạo đức, không trái với quy định pháp luật nên được hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Chị H và anh T khai không có, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, án phí chia tài sản chung chị H, anh T phải nộp theo quy định. Cụ thể án phí hôn nhân gia đình chị H phải chịu 300.000 đồng. Đối với án phí chia tài sản chung do tại phiên hòa giải ngày 01/6/2020 các bên không thỏa thuận được về tài sản chung nhưng sau khi hòa giải chị H và T đã thỏa thuận được với nhau về tài sản chung nên căn cứ vào điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H và anh T mỗi người phải chịu 50% án phí có giá ngạch đối với giá trị tài sản mà mình được nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, 14, 15, 33, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc H.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Ngọc H và anh Trương Thanh Thiên T là vợ chồng.

- Về con chung: Không xem xét.

- Về tài sản chung: Giao toàn bộ căn nhà và đất có diện tích 144m<sup>2</sup> tọa lạc tại đường Lâm Thành Mậu, khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau cho anh T tiếp tục quản lý sử dụng. Buộc anh T có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Ngọc H ½ giá trị tài sản là 60.000.000 đồng trong thời gian 03 tháng kể từ ngày 17/6/2020.

Hết thời hạn nêu trên nếu anh T không thực hiện thì kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, anh T không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về nợ chung: Không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Ngọc H phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Án phí dân sự có giá ngạch chia tài sản chung chị Nguyễn Ngọc H phải nộp 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Vào ngày 27/4/2020 và ngày 04/5/2020 chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 4.050.000đ (*Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) theo các biên lai số 0001687 và 0001728 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chị H được nhận lại số tiền 2.250.000 đồng (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) khi bản án có hiệu lực. Anh Trương Thanh Thiên T phải nộp án phí dân sự có giá ngạch chia tài sản chung số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng - chưa nộp*). Nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Cà Mau khi bản án có hiệu lực.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9*

*Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Huyền Trân**



